

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 548/2019/HC-PT

Ngày: 11 - 6 -2019.

V/v khiếu kiện quyết định  
hành chính, hành vi hành chính.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Thanh Tú.

*Các Thẩm phán:* 1/ Bà Đỗ Thị Kim Phượng.

2/ Bà Phạm Thị Mai Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Hường.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 tháng 5 và ngày 11 tháng 6 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2019/TLPT-HC ngày 03/01/2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1501/2019/QĐPT-HC ngày 01/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 2728/2019/QĐPT-HC ngày 23/4/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3546/2019/QĐ9PT-HC ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

*1. Người khởi kiện:* Ông Trần Thành L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 69/2 đường B, phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường K, xã L, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:**

**Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 11 năm 2013, ngày 20 tháng 12 năm 2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/3/2016, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 23/10/2017, bản tự khai ngày 28/3/2014, bản tự khai ngày 31 tháng 3 năm 2014 và bản tự khai ngày 23 tháng 10 năm 2018, người khởi kiện Trần Thành L trình bày:**

Tháng 8 năm 2001, ông có làm đơn xin phép Ủy ban nhân dân xã E, huyện H được phép khai thác sử dụng khu đất 03ha tọa lạc tại khu vực N, ấp M, xã L, huyện H để nuôi trồng thủy sản. Ngày 06/9/2001, Ủy ban nhân dân xã E, huyện H đã xác nhận đơn và chấp nhận cho ông khai hoang, cải tạo đất để đưa vào sản xuất nông nghiệp. Tại thời điểm ông khai hoang khu đất này thuộc loại hoang bằng (Hg.B), rừng mây, rán mọc qua khỏi đầu. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định 85/1999/NĐ-CP ngày 28/8/1999 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, gia đình ông đã đầu tư rất nhiều tiền của, công sức để khai hoang, cải tạo khu đất trên thành khu trang trại nuôi tôm công nghiệp và đã quản lý, sản xuất ổn định, hiệu quả từ năm 2001.

Quá trình khai hoang, thi công trang trại, tất cả các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương đều biết, không phản đối và cũng không có bất kỳ văn bản nào ngăn chặn tại thời điểm năm 2001, đồng thời không có tranh chấp với ai. Từ năm 2001 cho đến nay vẫn chưa có Thông báo hay Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh trực tiếp đến ông và khu trang trại 03ha này của ông, hiện gia đình ông đang là người quản lý, sử dụng hợp pháp khu trang trại này.

Về nguồn gốc 03 ha đất nêu trên, trước thời điểm ông khai hoang sử dụng: Đối chiếu với các tài liệu đăng ký theo chỉ thị 299/TTG ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ xác định khu đất 03ha nêu trên nhằm một phần thửa 100, tờ bản đồ số 05 xã L, huyện H. Theo chỉ thị 02/CT-UB ngày 18/01/1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định được khu đất 03 ha nêu trên nhằm một phần thửa 56, 41, tờ bản đồ số 7, xã L, huyện H, đất thuộc loại hoang bằng (Hg.B), có nguồn gốc là Nông trường Quận P giải thể giao lại cho Ủy ban nhân dân xã L

quản lý từ năm 1992. Đến năm 1996 khu đất trên đã được giao cấp cho một số cán bộ của huyện H sử dụng sản xuất nông nghiệp. Sau đó thực hiện kết luận của đoàn thanh tra về tình hình quản lý sử dụng đất tại huyện H kết hợp với giải quyết đơn tố cáo của công dân theo Quyết định số 20/QĐ-TTr ngày 23/3/1999 của Chánh thanh tra thành phố, ngày 24/11/1999 Ủy ban nhân dân huyện H ký ban hành Quyết định số 393/QĐ-UB về thu hồi, hủy bỏ Quyết định giao đất cho người được giao đất không tổ chức sản xuất do vi phạm khoản 3 Điều 26 luật Đất đai năm 1993. Do vậy tại thời điểm tháng 11/1999, khu đất 03ha này thuộc đất hoang bằng, chưa được khai hoang sử dụng do Ủy ban nhân dân xã E, huyện H quản lý.

Đến tháng 8/2001, ông L có đơn xin khai hoang, sử dụng khu đất 03ha trên vào mục đích sản xuất nông nghiệp và đã được Ủy ban nhân dân xã E ký xác nhận cho phép như đã nêu trên.

Căn cứ theo số liệu đo đạc năm 2005, bản vẽ hiện trạng vị trí khu đất ngày 09/9/2010 của Công ty TNHH tư vấn thiết kế O khu đất 03ha nêu trên thuộc các thửa 29, 30, 31, 32, 33, 34-1, 35, 36, 37, 38, 39, 40 tờ bản đồ 56, xã L. Các thửa đất trên do ông L tạo lập từ năm 2001 là hệ thống ao, hồ nuôi tôm sú công nghiệp được phân chiết từ thửa số 41, 56 tờ bản đồ số 7, xã L, huyện H trước đây (số liệu 02/CT-UB).

Sau khi được Ủy ban nhân dân xã E cho phép khai hoang, ông đã đầu tư nhiều tiền của, công sức lao động để khai hoang 03ha khu đất trên để đưa vào sản xuất nông nghiệp, xây dựng lên hệ thống ao hồ nuôi tôm công nghiệp, nhà cửa, lán trại để phục vụ sản xuất và đã sản xuất ổn định từ năm 2001. Do vậy, việc ông khai hoang sử dụng khu đất trên vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp trước ngày 01/7/2004, không vi phạm pháp luật về đất đai, hiện nay không có tranh chấp với ai là thuộc trường hợp đủ điều kiện để Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu trang trại 03ha nêu trên. Theo quy định của Luật đất đai ông được quyền tiếp tục sử dụng khu đất trên theo hiện trạng đã sử dụng ban đầu từ năm 2001, được khai thác, hưởng lợi thành quả lao động cho đến khi có Quyết định thu hồi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi lại đất để thực hiện dự án và được xem xét bồi thường thiệt hại về đất và tài sản gắn liền với đất, kể cả trường hợp sử dụng đất nông nghiệp có vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2004.

Tuy nhiên, ngày 21/11/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1158/QĐ-UB (gọi tắt là QĐ 1158) giao 376.120m<sup>2</sup> đất chưa sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện H quản lý trong đó có 03ha đất của ông L. Nội dung này được thể hiện trong rất nhiều văn bản, cụ thể là: Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 05/11/2009 (đã bị hủy bỏ) và Quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 25/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H; báo cáo số

230/BC-TTH ngày 07/10/2009 của Thanh tra huyện H; biên bản làm việc số 25/BB-TTrXD ngày 06/7/2010 của Thanh tra xây dựng xã L, huyện H; Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 18/11/2010, công văn số 479/UBND ngày 13/7/2015 và Công văn số 163/UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H.

Quyết định số 1158 ngày 21/11/2006 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ký mà không phải do Ủy ban nhân dân huyện H ký ban hành là trái thẩm quyền. Trong nội dung của Quyết định cũng không thể hiện đối tượng bị điều chỉnh cụ thể, cũng không thể hiện danh sách các thửa đất đính kèm theo Quyết định.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 09/3/2016 do Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, đại diện Ủy ban nhân dân huyện H đã thừa nhận trước tòa rằng: QĐ 1158 ngày 21/11/2006 là Quyết định do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ký ban hành, do vậy có sai sót về thẩm quyền và Quyết định này không có các thửa đất đính kèm theo, Quyết định này chỉ thay thế Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 13/11/2006. Do đó, không có cơ sở để xác định quyết định này điều chỉnh trực tiếp đến ông và các thửa đất thuộc khu trang trại 03ha nêu trên của ông.

Hoạt động sản xuất nuôi tôm công nghiệp trên khu trang trại 03ha nêu trên của ông đã diễn ra bình thường từ năm 2001. Đến ngày 19/9/2009 một cơn lốc mạnh đã làm sập đổ hoàn toàn nhà cửa, lán trại để quản lý điều hành trang trại 03ha trên của ông. Chứng cứ chứng minh cho sự kiện này là biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/4/2010 của Tòa án nhân dân huyện H và sự chứng kiến của bà con địa phương gần đó.

Ngày 22/9/2009, để khôi phục lại sản xuất, ổn định đời sống, trong khi đang sửa chữa lại nhà cửa, lán trại theo hiện trạng ban đầu trên nền nhà cũ. Tuy nhiên, thanh tra xây dựng xã L gồm ông Đoàn Minh S và Nguyễn Duy H đã triển khai lực lượng cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông sửa chữa lại lán trại, nhà cửa đã bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai gây ra theo chỉ đạo của Chủ tịch xã L (Châu Văn U) khi chưa có Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, chưa có Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh đến ông và khu trang trại 03ha nêu trên. Thanh tra yêu cầu ông phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cho phép thì mới cho xây dựng lại nhà, lán trại. Cùng ngày, ông làm đơn xin phép xây dựng lại nhà, lán trại vào Ủy ban nhân dân xã gặp Chủ tịch xã đồng thời cũng trình bày việc cưỡng chế, ngăn chặn không cho ông sửa chữa lại nhà, lán trại bị sập do thiên tai gây ra khi chưa có quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành, chưa có Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh đến ông và khu đất 03ha trang trại là hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại đến tài sản của ông nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E vẫn

cương quyết chỉ đạo thanh tra xây dựng thực hiện việc cưỡng chế. Thanh tra xây dựng xã L đã đuổi toàn bộ công nhân ra khỏi khu trang trại của ông không cho sửa chữa lại nhưng cũng không lập biên bản vụ việc. Do vậy, toàn bộ dụng cụ, máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất cho khu trang trại 03ha nuôi tôm công nghiệp của ông đã bị mất hoàn toàn.

Ngày 25/9/2009, ông khiếu nại vụ việc đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H nhưng văn phòng tiếp công dân cương quyết không nhận nên ông phải gửi qua đường bưu điện. Tuy nhiên, khiếu nại trên của ông không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H giải quyết trong suốt thời gian 06 năm (từ tháng 9/2009 đến tháng 3 năm 2015). Sau đó ông đã khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân huyện H nhưng đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Để khôi phục sản xuất, ngày 09/7/2013 ông đã gửi đơn đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E thông báo về việc ông sẽ sửa chữa, dựng lại lán trại bị sập do thiên tai ngày 19/9/2009 theo hiện trạng như ban đầu trên nền móng cũ tại khu đất thuộc một phần thửa 36, tờ bản đồ số 56, xã L. Ngày 15/11/2013 trong khi ông cùng công nhân đang sửa chữa, dựng lại lán trại thì lực lượng chức năng xã L cùng thanh tra xây dựng huyện H ra lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 04/BB-VPHC đối với ông, xác định ông đã có hành vi phạm hành chính: Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở nông thôn không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

Căn cứ vào biên bản số 04/BB-VPHC ngày 15/11/2013, ngày 17/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 163 ngày 17/11/2013) về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự đô thị đối với ông, nội dung của Quyết định trên là hoàn toàn áp đặt, sai sự thật, không đúng thực tế khách quan.

Ngày 20/11/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 175 ngày 20/11/2013) về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông với số tiền là 2.500.000 đồng, đây là Quyết định xử phạt vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều 59 Nghị định 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của chính phủ.

Ngày 20/11/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành tiếp Quyết định số 176/QĐ-UBND (gọi tắt là QĐ 176 ngày 20/11/2013) về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị đối với ông. Sau đó đã tổ chức cưỡng chế phá dỡ lán trại một cách trái thẩm quyền, trái pháp luật của ông vào ngày 31/12/2013. Hành vi trái pháp luật đã gây thiệt hại cho ông với tổng thiệt hại là 3.100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Thiệt hại về chi phí dọn dẹp, vệ sinh 09 ao nuôi tôm công nghiệp trên diện tích 03ha là 30.000.000 đồng;

+ Thiệt hại chi phí thi công và vật tư sửa chữa, dựng lại lán trại với diện tích 55,28m<sup>2</sup> là 70.000.000 đồng;

+ Thiệt hại về quyền sử dụng đất, quyền khai thác, hưởng lợi từ tài sản gắn liền với đất trên diện tích 03ha từ tháng 01/2014 đến tháng 11/2017 là 3.000.0000.000 đồng.

Hành vi cố ý vi phạm pháp luật nêu trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đã xâm phạm đến quyền sử dụng đất, gây cản trở nghiêm trọng đến các hoạt động sản xuất nuôi tôm công nghiệp bình thường trên khu trang trại 03ha nêu trên của ông, xâm phạm nghiêm trọng đến tài sản, đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Ông yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết như sau:

(1) Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H;

(2) Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H do quyết định này vượt quá thẩm quyền;

(3) Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H do quyết định này được ban hành trái thẩm quyền;

(4) Xác định hành vi ban hành Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013 và Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đối với ông và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ lán trại bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai trước đó khi ông khắc phục hậu quả sau thiên tai là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999.

(5) Xác định hành vi của các viên chức địa chính xã và Công an xã L trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013, Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 và Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E là hành vi trái pháp luật.

(6) Xác định thiệt hại do quá trình ban hành, triển khai tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E gây ra cho

ông thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và bồi thường cho ông tổng số tiền bị thiệt hại là 3.100.000.000 đồng.

**\* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E trình bày:**

Ngày 09/7/2013, ông Trần Thành L có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã E với nội dung trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại. Qua xem xét nội dung đơn và đối chiếu với hồ sơ lưu trữ thì thửa đất ông L trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại thuộc các thửa 29, 30, 40, 31, 39, 37, 32, 28 và thửa 33 tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại xã L. Các thửa đất trên là đất chưa sử dụng và do Ủy ban nhân dân huyện H giao cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý theo QĐ 1158 ngày 21/11/2006 (Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 của Ủy ban nhân dân huyện H về giao quỹ đất chưa sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý có tổng diện tích 376.120m<sup>2</sup>). Do đó, ngày 26/7/2013 Ủy ban nhân dân xã E đã ban hành công văn số 121/UBND trả lời đơn báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại của ông L với nội dung: “Đối với khu đất ông trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại là đất do Ủy ban nhân dân huyện giao quỹ đất chưa sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý. Do đó, Ủy ban nhân dân xã E không xem xét giải quyết theo yêu cầu đơn trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại đã bị sập”. Ông L không khiếu nại công văn trên nhưng không chấp hành mà ngang nhiên thuê công nhân đến khu đất trên để phát hoang và xây dựng nhà trên một phần thửa 36, tờ bản đồ số 56. Ủy ban nhân dân xã E đã cử cán bộ đến làm việc, yêu cầu ông L không được xây dựng nhưng ông L không chấp hành và vẫn tiếp tục xây dựng.

Ngày 15/11/2013, ông L tiến hành xây dựng nhà tại phần đất trên khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng, ông L cũng không có giấy tờ chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng của mình. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã E có tiếp xúc và đề nghị ông L ngừng thi công xây dựng nhưng ông L vẫn tiếp tục xây dựng. Đến 15 giờ 10 phút ngày 15/11/2013, Ủy ban nhân dân xã phối hợp với thanh tra xây dựng địa bàn huyện H đến hiện trường ông L đang xây dựng để kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông L vì ông L có hành vi vi phạm tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (vi phạm điểm a khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của chính phủ) và yêu cầu ông L khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, phải tháo dỡ công trình vi phạm với tổng diện tích là 52,28m<sup>2</sup>.

Sau thời gian 24 giờ theo biên bản, đến 10 giờ ngày 17/11/2013, tổ công tác của xã L có đến hiện trường công trình xây dựng vi phạm kiểm tra việc thực

hiện nội dung biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công, nhưng công trình do ông L là chủ đầu tư vẫn còn nguyên hiện trạng như khi lập biên bản, chưa khắc phục tháo dỡ công trình vi phạm. Từ đó, căn cứ các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng, Ủy ban nhân dân xã E đã lần lượt ban hành các Quyết định xử lý công trình vi phạm đối với ông L, cụ thể như sau:

+ Căn cứ vào Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật xây dựng về xử lý vi phạm xây dựng trật tự đô thị để ban hành Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013, đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với chủ đầu tư là ông Trần Thành L;

+ Căn cứ luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 và căn cứ Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng để ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 xử phạt vi phạm hành chính do tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng;

+ Căn cứ vào Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm xây dựng trật tự đô thị để ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Huyện H đã quyết định:*

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành L đối với những nội dung sau:

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung QĐ 163 ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng;

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung QĐ 175 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về xử phạt vi phạm hành chính do quyết định này vượt quá thẩm quyền;

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung QĐ 176 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị - do quyết định này được ban hành trái thẩm quyền;

- Xác định hành vi ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đối với ông và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ

toàn bộ lán trại bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai trước đó khi ông khắc phục hậu quả sau thiên tai là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015)

2. Đình chỉ đối với các yêu cầu sau:

- Xác định hành vi của các viên chức địa chính xã và Công an xã L trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện các QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị là hành vi trái pháp luật.

- Xác định thiệt hại do quá trình ban hành, triển khai tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E gây ra cho ông thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và bồi thường cho ông tổng số tiền bị thiệt hại là 3.100.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, ông Trần Thành L nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

\* Người khởi kiện ông Trần Thành L xác định yêu cầu kháng cáo, yêu cầu:

- Hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập, đánh giá chứng cứ, có dấu hiệu làm giả hồ sơ chứng cứ. Hành vi của người bị kiện là hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ. Chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra theo qui định của pháp luật.

- Hủy QĐ 163 ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng;

- Hủy QĐ 175 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về xử phạt vi phạm hành chính do quyết định này vượt quá thẩm quyền;

- Hủy QĐ 176 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị - do quyết định này được ban hành trái thẩm quyền;

- Xác định hành vi ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đối với ông và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ lán trại bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai trước đó khi ông khắc phục hậu

quả sau thiên tai là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015)

- Xác định thiệt hại do quá trình ban hành, triển khai tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E gây ra cho ông thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và bồi thường cho ông tổng số tiền bị thiệt hại là 3.100.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu xác định hành vi của các viên chức địa chính xã và Công an xã L trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện các QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị là hành vi trái pháp luật – thì ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của Luật tổ tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm:

Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính về thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tiến hành phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng cũng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia phiên tòa theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về kháng cáo của ông Trần Thành L: yêu cầu kháng cáo của ông L là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

\* Về hình thức:

Đơn kháng cáo của ông L làm trong hạn luật định, hợp lệ nên chấp nhận.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

\* Về nội dung:

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự nhận thấy:

Theo ông L trình bày: Nguồn gốc đất khu trang trại 03ha nuôi tôm sú công nghiệp của ông được ông khai hoang đất từ năm 2001 và được Ủy ban nhân dân xã E chấp thuận cho ông sản xuất đào ao nuôi tôm sú theo đơn xin khai thác đất nuôi tôm sú ngày 30/8/2001, Ủy ban xác nhận đơn ngày 06/9/2001.

Theo người bị kiện thì ngày 09/7/2013, ông L có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã E với nội dung trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại. Qua xem xét nội dung đơn và đối chiếu với hồ sơ lưu trữ thì thửa đất ông L trình báo khôi phục lại sản xuất và xây dựng lại nhà cửa, lán trại thuộc các thửa 29, 30, 40, 31, 39, 37, 32, 28 và thửa 33 tờ bản đồ số 56 tọa lạc tại xã L. Các thửa đất trên là đất chưa sử dụng và do Ủy ban nhân dân huyện H giao cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 21/11/2006 về giao quỹ đất chưa sử dụng cho Ủy ban nhân dân xã E quản lý có tổng diện tích 376.120m<sup>2</sup>.

*Xét kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 163 ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng – Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Khu trang trại 03ha nuôi tôm sú công nghiệp của ông L có nguồn gốc là đất công do Ủy ban nhân dân xã E quản lý nên ngày 15/11/2013 ông L tiến hành sửa chữa lại nhà, lán trại trên khu trang trại 03ha khi chưa có giấy phép xây dựng của cơ quan có thẩm quyền; ông L không có giấy tờ chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng của ông L là vi phạm Khoản 2 Điều 10 Luật xây dựng năm 2003; Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ. Do vậy, UBND xã L đã tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình đối với ông L vào ngày 15/11/2013 là đúng thẩm quyền, trình tự theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 11, Điều 12, Điều 16, Điều 22 và Điều 23 của Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ.

Do ông L không ngừng thi công xây dựng theo các nội dung trong biên bản lập ngày 15/11/2013 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, buộc chủ đầu tư thực hiện các nội dung trong biên bản ngừng thi công xây dựng là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ.

Về thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 là đúng quy định tại Điều 23 của Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ.

Do vậy, kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 163 ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Xét đối với kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 175 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về việc xử phạt vi phạm hành chính - do quyết định này vượt quá thẩm quyền – Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Do ông L đã có hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng như đã nhận định ở phần trên, nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đã ban hành QĐ 175 ngày 20/11/2013 về việc xử phạt vi phạm hành chính với nội dung:

+ Hình phạt chính: phạt tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng.

+ Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Thành L phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định này.

Về thẩm quyền ban hành QĐ 175 ngày 20/11/2013 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Về mức phạt tiền: ông L cho rằng theo qui định tại Điều 59 Nghị định số 23/2009/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ thì thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chỉ phạt tiền với mức phạt không quá 2.000.000 đồng nhưng tại QĐ 175 ngày 20/11/2013 đã xử phạt ông với số tiền 2.500.000 đồng là vượt quá thẩm quyền.

Xét, tại thời điểm ban hành QĐ 175 ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E thì Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đang có hiệu lực và theo Khoản 2 Điều 83 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 qui định “Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn”. Do đó mức phạt 2.500.000 đồng là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm i, Khoản 1 Điều 24, Điểm b khoản 1 Điều 38 của Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 23/NĐ-CP ngày 27/02/2009 của Chính phủ.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung của Quyết định đúng quy định của pháp luật nên kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 175 ngày 20/11/2013 là không có căn cứ chấp nhận.

*Xét đối với kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 176 ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi*

*phạm trật tự đô thị - do quyết định này được ban hành trái thẩm quyền – Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Như trên đã nhận định do ông L vẫn không thực hiện việc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép theo QĐ 163 ngày 17/11/2013 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E. Ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tiếp tục ban hành QĐ 176 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị đối với ông L. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành Quyết định trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ- trình tự, thủ tục và nội dung QĐ 176 là đúng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/02/2007 của Chính phủ.

Do đó, kháng cáo của ông L yêu cầu hủy QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị là không có căn cứ chấp nhận.

*Xét kháng cáo của ông L yêu cầu xác định hành vi ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đối với ông và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ lán trại bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai trước đó khi ông khắc phục hậu quả sau thiên tai là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015)- Hội đồng xét xử nhận thấy:*

Như đã nhận định ở trên, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E ban hành QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế đối với ông L là đúng quy định của pháp luật về nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền – do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của ông L.

Đối với yêu cầu xác định hành vi ban hành các quyết định trên là vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015) thì do đây là vụ án hành chính, nên Tòa án chỉ giải quyết những yêu cầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Tổ tụng hành chính được quy định tại Điều 30 và Điều 31. Vì vậy đối với yêu cầu xác định hành vi ban hành các quyết định trên là vi phạm Điều 282 “Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ” của Bộ luật hình sự năm 1999 là không thuộc phạm vi xét xử của vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các yêu cầu sau:

- Xác định hành vi của các viên chức địa chính xã và Công an xã L trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện các QĐ 163 ngày 17/11/2013 về đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng, QĐ 175 ngày 20/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính và QĐ 176 ngày 20/11/2013 về cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị là hành vi trái pháp luật.

- Xác định thiệt hại do quá trình ban hành, triển khai tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E gây ra cho ông thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và bồi thường cho ông tổng số tiền bị thiệt hại là 3.100.000.000 đồng.

Xét, do ông L không có yêu cầu Toà án giải quyết các yêu cầu trên nên xem như ông L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 56, Điểm b Khoản 1 Điều 143 và Điều 173 của Luật Tổ tụng hành chính nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử là có căn cứ.

Xét, đối với kháng cáo của ông L yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập, đánh giá chứng cứ. Có dấu hiệu làm giả hồ sơ chứng cứ. Hành vi của người bị kiện là hành vi lạm quyền trong khi thi hành công vụ. Chuyển hồ sơ sang cơ quan cảnh sát điều tra theo qui định của pháp luật như trên đã nhận định thì yêu cầu này là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông L cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông L nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L. Đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo của ông L là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Bác kháng cáo của ông Trần Thành L.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2018/HC-ST ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

2.1 Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thành L đối với những nội dung sau:

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H;

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H do quyết định này vượt quá thẩm quyền;

- Tuyên bác, hủy bỏ toàn bộ nội dung và Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, huyện H do quyết định này được ban hành trái thẩm quyền;

- Xác định hành vi ban hành Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013 và Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E đối với ông và hành vi của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E tổ chức thực hiện cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ lán trại bị sập đổ hoàn toàn do thiên tai trước đó khi ông khắc phục hậu quả sau thiên tai là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều 282 của Bộ luật hình sự năm 1999 (nay là Điều 357 Bộ luật Hình sự năm 2015)

2.2 Đình chỉ đối với các yêu cầu sau:

- Xác định hành vi của các viên chức địa chính xã và Công an xã L trong quá trình ban hành, triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPVPHC ngày 20/11/2013, Quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị số 176/QĐ-UBND ngày 20/11/2013 và Quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 163/QĐ-UBND ngày 17/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E là hành vi trái pháp luật.

- Xác định thiệt hại do quá trình ban hành, triển khai tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bị kiện của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E gây ra cho ông thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định tại Điều 13 Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước và bồi thường cho ông tổng số tiền bị thiệt hại là 3.100.000.000 đồng.

### 3. Án phí hành chính:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Thành L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số AC/2010/04098 ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông Trần Thành L đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông L đã nộp theo biên lai số AG/2011/06215 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Thanh Tú**